

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

TÀI LIỆU ĐÀO TẠO KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG

HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
NĂM 2022

Lời mở đầu

Việc cấp mã số vùng trồng, quản lý mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và đưa sản phẩm ra nước ngoài. Mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc được coi là một trong những tiêu chí đầu tiên để nông sản trong nước đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Việc cấp mã số vùng trồng không những giúp truy xuất nguồn gốc mà còn gắn chặt sản xuất theo một quy trình nhất định để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, đồng thời giúp nông dân ý thức được vấn đề sản xuất liên quan chặt chẽ đến chất lượng và giá thành sản phẩm.

Trên thực tế, rất nhiều thị trường nhập khẩu nông sản của Việt Nam trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu, Hoa Kỳ,... đều yêu cầu rất chặt chẽ về vấn đề truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng nhập khẩu. Các nông sản tươi muốn vào các thị trường này đều bắt buộc phải có thông tin truy xuất nguồn gốc và thông tin mã số vùng trồng. Chính vì vậy, các kỹ năng liên quan đến quản lý mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc nông sản có vai trò rất quan trọng đối với các cán bộ khuyến nông cơ sở.

Tài liệu “Hướng dẫn quản lý mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc nông sản” sẽ giúp nâng cao kỹ năng của cán bộ khuyến nông cộng đồng trong việc: Xây dựng mã số vùng trồng, phương pháp quản lý mã số vùng trồng. Cung cấp các thủ tục, hồ sơ cấp mã số vùng trồng để các cán bộ khuyến nông cộng đồng có thể ứng dụng triển khai vào thực tế. Đồng thời, tài liệu cũng hướng dẫn cụ thể các bước thực hành truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông sản.

Tài liệu được bố cục làm hai nội dung chính: phần I, tập trung vào các kỹ năng quản lý mã số vùng trồng; phần II tập trung vào các kỹ năng thực hành truy xuất nguồn gốc nông sản.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
I. Mã số vùng trồng.....	4
1.1. Khái niệm vùng trồng và mã số vùng trồng.....	4
1.2. Mục đích, ý nghĩa của mã số vùng trồng.....	5
1.3. Đối tượng được cấp mã số vùng trồng.....	5
1.4. Các tiêu chí để cấp mã số vùng trồng.....	5
1.5. Các bước cơ bản xin thiết lập mã số vùng trồng.....	9
1.6. Yêu cầu của các thị trường về truy xuất nguồn gốc.....	12
1.7. Các biểu mẫu xin cấp mã số vùng trồng.....	13
1.8. Quản lý mã số vùng trồng.....	13
1.8.1. Giám sát vùng trồng đã được cấp mã số.....	13
1.8.2. Nội dung giám sát.....	14
1.8.3. Báo cáo kết quả giám sát.....	14
1.8.4. Các quy định đối với vùng trồng đã được cấp mã số.....	14
1.8.5. Các trường hợp bị thu hồi và huỷ mã số vùng trồng.....	15
1.8.6. Quản lý, lưu giữ tài liệu liên quan đến mã số vùng trồng.....	16
II. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm.....	16
2.1. Các hình thức, công cụ chứng minh nguồn gốc sản phẩm.....	16
2.1.1. Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	16

2.1.2. Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua mã vạch in trên hàng hóa	23
2.1.3. Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua mã QR code in trên hàng hóa.....	24
2.2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm	25
2.2.1. Khái niệm truy xuất nguồn gốc sản phẩm	25
2.2.2. Ý nghĩa của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm	26
2.2.3. Các loại truy xuất nguồn gốc hiện nay	27
2.2.4. Yêu cầu chung đối với truy xuất nguồn gốc.....	28
2.2.5. Trình tự thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm	29
2.2.6. Các bước thực hiện truy xuất nguồn gốc.....	31
2.2.7. Ứng dụng blockchain trong truy xuất nguồn gốc	33
2.3. Các văn bản chính sách có liên quan đến truy xuất nguồn gốc	36
2.4. Thực hành tạo mã Qr code bằng các công cụ khác nhau.....	37
2.4.1. Tạo Qr Code miễn phí để cung cấp thông tin nguồn gốc sản phẩm thông qua trang Website của Traceverified	37
2.4.2. Tạo mã Qr code miễn phí thông qua trang website của Qr Code Generator	39
2.4.3. Tạo mã Qr code miễn phí thông qua công cụ Cloudify QR Tool.....	40
2.5. Thực hành truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua một số App.....	41
2.5.1. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng Zalo.....	41
2.5.2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng ứng dụng icheck.....	43
2.5.3. Truy xuất nguồn gốc bằng ứng dụng Checkee.....	43
Tài liệu tham khảo	45
PHỤ LỤC.....	46

I. Mã số vùng trồng

1.1. Khái niệm vùng trồng và mã số vùng trồng

* Vùng trồng: Vùng trồng là một vùng sản xuất chủ yếu một loại cây trồng, có thể bao gồm một hoặc nhiều điểm sản xuất theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

* Mã số vùng trồng: Là mã số định danh cho một vùng trồng trồng nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng (Luật Trồng trọt, 2018).

Mã số vùng trồng được cấp cho vùng trồng nông sản bao gồm: Mã quốc gia; mã tỉnh, thành phố; mã quận, huyện; mã xã, phường và số thứ tự theo danh sách mã do Cục Bảo vệ thực vật phê duyệt và cấp.



* Các văn bản hướng dẫn quản lý mã số vùng trồng:

+ *Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:*

- Văn bản số 3906/BNN-BVTV ngày 23/5/2018;
- Văn bản số 5841/BNN-BVTV ngày 26/8/2020;
- Văn bản số 2425/BNN-BVTV ngày 27/4/2021;
- Chỉ thị 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28/3/2022.

+ *Cục Bảo vệ thực vật đã xây dựng các tiêu chuẩn cho việc thiết lập và giám sát các vùng trồng:*

- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 774:2020/BVTV về quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng.

- + Cục BVTV ban hành công văn tăng cường công tác quản lý về giám sát vùng trồng:
- Công văn 1501/BVTV-HTQT ngày 02/6/2022 về việc quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu.

1.2. Mục đích, ý nghĩa của mã số vùng trồng

- Giúp truy xuất nguồn gốc;
- Giúp gắn sản xuất theo một quy trình nhất định;
- Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu;
- Giúp nông dân nâng cao nhận thức về vấn đề sản xuất liên quan chặt chẽ tới chất lượng và thị trường.

1.3. Đối tượng được cấp mã số vùng trồng

Tổ chức, cá nhân tự tổ chức sản xuất hoặc có liên kết với các tổ chức, cá nhân khác;

1.4. Các tiêu chí để cấp mã số vùng trồng

1.4.1. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân xin cấp mã số

- Đồng nhất một quy trình quản lý sinh vật gây hại tại vùng trồng;
- Đảm bảo có quy trình kiểm soát sinh vật gây hại ở mức độ thấp.
- Sử dụng thuốc BVTV phải theo quy định của nước nhập khẩu;
- Vùng trồng phải được kiểm tra và cấp mã số lần đầu trước thời điểm thu hoạch theo yêu cầu của nước nhập khẩu.



- Trước mỗi vụ thu hoạch, tổ chức, cá nhân xin cấp mã số phải thực hiện đăng ký cấp mã số vùng trồng lại (mã số sẽ bị thu hồi nếu không được thực hiện đăng ký lại).

1.4.2. Yêu cầu diện tích và điều kiện canh tác trong vùng trồng

+ *Yêu cầu về diện tích*

- Vùng trồng cây ăn quả: tối thiểu 10 ha;
- Rau gia vị: tùy theo diện tích của nông trại và theo yêu cầu của nước xuất khẩu;
- Các loại cây trồng khác: theo yêu cầu của nước xuất khẩu.



Quy tắc sử dụng thuốc BVTV



+ *Yêu cầu về điều kiện canh tác*

- Canh tác, quy trình, tiêu chuẩn cần tuân theo VietGAP, GlobalGAP,...
- (Có thể không có chứng nhận nhưng vẫn phải tuân theo các quy trình tương đương).



**CÁC LĨNH VỰC ÁP DỤNG
TIÊU CHUẨN VIETGAP**



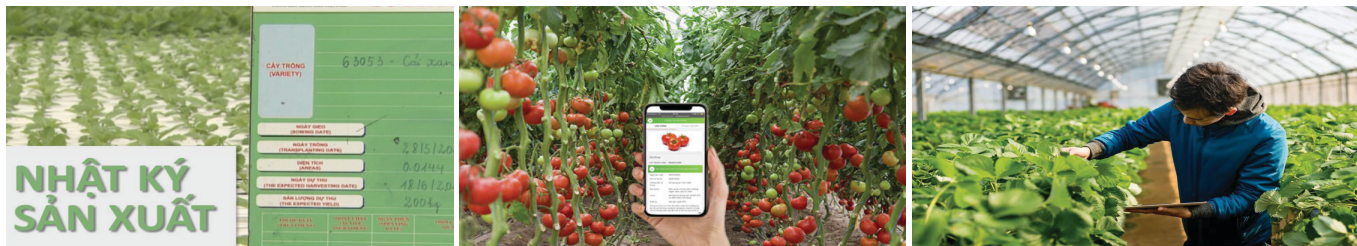
- Nhật ký canh tác có thể lập chung cho cả vùng trồng hoặc lập riêng cho từng hộ sản xuất tham gia trong vùng trồng.

1.4.3. Yêu cầu về sổ sách ghi chép

- Phải ghi chép nhật ký sản xuất chi tiết từng giai đoạn. Các thông tin bắt buộc gồm có:
 - + Giai đoạn phát triển của cây trồng;
 - + Sinh vật gây hại phát hiện trong quá trình điều tra;
 - + Nhật ký bón phân: ngày bón, loại phân bón, phương pháp bón,...;
 - + Nhật ký sử dụng thuốc BVTV: ngày sử dụng, tên thuốc, liều lượng sử dụng, lý do sử dụng,...;
 - + Nhật ký thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm: sản phẩm dự kiến, bảo quản, tiêu thụ,...



1.4.4. Yêu cầu về vệ sinh trên đồng ruộng



- + Xung quanh và bên trong vùng trồng phải sạch cỏ, đặc biệt là bao bì, chai lọ, túi nilon thuốc BVTV, phân bón, ...
- + Phải có thùng chứa rác tập trung.



- Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống
 - + Sau khi sử dụng xong cần thu gom bao bì, chai lọ về các thùng chứa đúng quy định, tuyệt đối không được vứt bừa bãi trên đồng ruộng.
 - + *Đối với tàn dư cây trồng sau thu hoạch*
- Các loại tàn dư cây trồng sau thu hoạch cần được thu gom, không được đổ hoặc đốt bừa bãi trên đồng ruộng để tránh phát sinh khói bụi, ô nhiễm môi trường.
- Cần thu gom tập trung tàn dư, xử lý bằng chế phẩm sinh học.

1.4.5. Yêu cầu về sinh vật hại và biện pháp quản lý

- ✓ Quản lý theo yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu;
- ✓ Có biện pháp quản lý đáp ứng được các yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu;
- ✓ Có biện pháp quản lý cụ thể cho từng nhóm sinh vật gây hại theo hàng hóa;
- ✓ Phải thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.



Danh mục Thuốc BVTV
được phép sử dụng tại Việt Nam

1.4.6. Yêu cầu về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

- Chỉ được sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (theo TT số 10/2020/TT-BNNPTNT).

- Đảm bảo không sử dụng các hoạt chất cấm theo yêu cầu của nước nhập khẩu;
- Tuân thủ quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc bốn (04) đúng,
- Sử dụng theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và thời gian cách ly để đảm bảo dư lượng không vượt ngưỡng cho phép của nước nhập khẩu.

1.5. Các bước cơ bản xin thiết lập mã số vùng trồng

** Bước 1. Gửi yêu cầu cấp mã số vùng trồng*

Gửi tờ khai kỹ thuật đề nghị cấp mã số vùng trồng và hồ sơ chi tiết về Chi cục Trồng trọt và BVTV.



Hồ sơ đăng ký bao gồm

1. Đơn xin cấp mã số vùng trồng;
2. Giấy đăng ký kinh doanh;
3. Các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất;
4. Giấy chứng nhận VietGAP cho vùng trồng xin cấp mã số (nếu có).

* Bước 2. Đánh giá vùng trồng

- Chi cục BVTV hoặc Chi cục Trồng trọt và BVTV (sau đây gọi là Chi cục Trồng trọt và BVTV) trực tiếp khảo sát tại vùng trồng;
- Đối với nước nhập khẩu có yêu cầu thì cán bộ của Cơ quan BVTV nước nhập khẩu có thể đi theo để cùng đánh giá;
- Đến kiểm tra thực địa;
- Hỗ trợ khắc phục các điều kiện, nội dung chưa đảm bảo.

* Bước 3. Cấp mã số vùng trồng

Cấp mã số vùng trồng thuộc thẩm quyền của cục BVTV. Cụ thể như sau:

- ✓ Tiến hành thẩm định và cấp mã số cho vùng trồng đạt yêu cầu, và gửi thông tin chi tiết mã số đã cấp cho nước nhập khẩu;
- ✓ Sau khi được nước nhập khẩu phê duyệt, Cục BVTV thông báo và gửi mã số cho Chi Cục Trồng trọt và BVTV cấp tỉnh để quản lý và giám sát;
- ✓ Nếu vùng trồng chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn, Cục BVTV sẽ chỉ đạo các biện pháp khắc phục.



*** Bước 4. Bàn giao kết quả về mã số vùng trồng**

- ✓ Chi Cục Trồng trọt và BVTV nhận được thông báo, và gửi thông báo về cho cơ sở đã được cấp mã số vùng trồng.
- ✓ Chi Cục Trồng trọt và BVTV phụ trách đánh giá giám sát định kỳ tại vùng trồng.

(Ghi chú: Riêng đối với thị trường một số quốc gia sẽ cấp lại mã số dựa trên MSVT của cục BVTV. Ví dụ như Hoa Kỳ.)

1.6. Yêu cầu của các thị trường về truy xuất nguồn gốc

*** Yêu cầu của thị trường Liên minh Châu Âu về truy xuất nguồn gốc**

- ✓ Các quy định của Cộng đồng Châu Âu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm có hiệu lực từ tháng 1 năm 2005. Để tuân thủ những quy định này, điều quan trọng là các nhà nhập khẩu EU xác định rõ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.
- ✓ EU yêu cầu các nhà xuất khẩu tuân thủ các qui định về truy xuất nguồn gốc, thông tin chung về truy xuất nguồn gốc có thể tìm thấy tại địa chỉ sau:
- ✓ www.europa.eu.int/comm/food/food/foodlaw/guidance/guidance_rev_7_en.pdf
- ✓ www.europa.eu.int/comm/food/food/foodlaw/traceability/index_en.htm
- ✓ www.europa.eu.int/scadplus/leg/en/lvb/132041/htm

*** Yêu cầu của thị trường Hoa Kỳ về truy xuất nguồn gốc**

- o Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) của Hoa Kỳ yêu cầu thực hiện từ ngày 30 tháng 9 năm 2008 tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.
- o COOL sẽ có ảnh hưởng đến các qui định về truy xuất nguồn gốc của Hoa Kỳ tới các nước cung cấp.
- o Thông tin chung về chương trình này có thể tìm thấy tại địa chỉ:
- o USDA: www.ams.usda.gov/cool/.

* ***Yêu cầu của thị trường Nhật Bản về truy xuất nguồn gốc***

- o Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông Nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường.
- o Thông tin chi tiết về tiêu chuẩn và các thủ tục nhập khẩu đối với các sản phẩm cụ thể có thể thấy trên các trang Web sau:
- o Tổ chức Ngoại Thương Nhật Bản: www.jetro.go.jp/en/market/regulations/;
- o Bộ Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy Sản: www.maff.go.jp/soshi-ki/syokuhin/hinshitu/e_label/index.htm.
- o Nhật Bản vẫn chưa có các yêu cầu cụ thể về truy xuất nguồn gốc đối với các nhà xuất khẩu.

* ***Yêu cầu của thị trường Trung Quốc về truy xuất nguồn gốc***

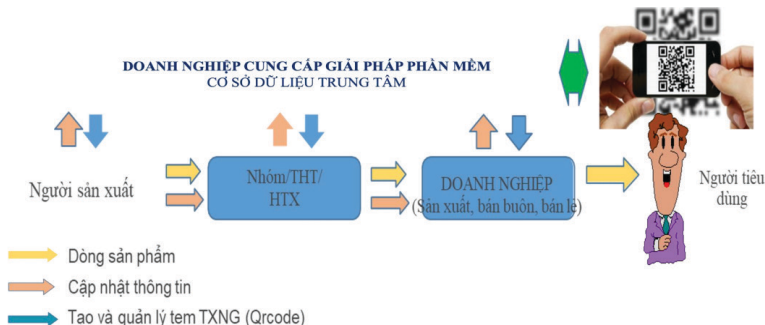
- Luật an toàn thực phẩm Trung Quốc 2015: Quy định doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm cần phải xây dựng hệ thống TXNG;

- 9 loại trái cây được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc, gồm: Thanh long, dưa hấu, vải, nhãn, chuối, xoài, mít, chôm chôm và măng cụt phải được TXNG;

* Hình thức TXNG nông sản xuất chính ngạch

✓ Mít, dưa hấu: Dán tem truy xuất lên từng trái;

✓ Trái cây khác: Có thông tin mã số vùng trồng, mã số xưởng đóng gói trên bao bì.



1.7. Các biểu mẫu xin cấp mã số vùng trồng

1.7.1. Mẫu Đơn xin cấp mã số vùng trồng

Mẫu đơn xin cấp MSVT được mô tả chi tiết tại Phụ lục I của tài liệu này.

1.7.2. Mẫu giấy đăng ký cấp/cấp lại mã số vùng trồng

Mẫu giấy đăng ký cấp/cấp lại mã số vùng trồng được mô tả chi tiết tại Phụ lục II của tài liệu này.

1.7.3. Tờ khai kỹ thuật

Mẫu tờ khai kỹ thuật xem chi tiết tại Phụ lục A của TCCS 774:2020/BVTV.

1.7.4. Mẫu biên bản kiểm tra/giám sát vùng trồng

Mẫu biên bản kiểm tra/ giám sát vùng trồng xem chi tiết tại Phụ lục B và D của TCCS 774: 2020/BVTV.

1.7.5. Mẫu báo cáo kết quả vùng trồng đề nghị cấp mã số

Mẫu báo cáo kết quả vùng trồng đề nghị cấp mã số xem chi tiết tại Phụ lục C của TCCS 774:2020/BVTV.

1.8. Quản lý mã số vùng trồng

1.8.1. Giám sát vùng trồng đã được cấp mã số

*** Các loại hình kiểm tra, giám sát**

- o Tự giám sát: Do tổ chức/cá nhân, hộ nông dân được cấp mã số thực hiện; thường xuyên tự giám sát và duy trì tình trạng quản lý sinh vật gây hại theo yêu cầu của nước nhập khẩu.
- o Giám sát định kỳ: Do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện.
- o Kiểm tra đột xuất: Do Cục Bảo vệ thực vật thực hiện.

*** Kế hoạch giám sát**

Kế hoạch giám sát cụ thể tùy thuộc vào từng loại cây trồng và thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

- Tần suất giám sát:

+ Tối thiểu 01 lần/vụ.

+ Có thể nhiều hơn tùy thuộc vào từng loại cây trồng, nhóm sinh vật gây hại hoặc yêu cầu thị trường xuất khẩu.

+ Kiểm tra đột xuất: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra đột xuất việc thực hiện tại địa phương theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc tình hình phát sinh.

1.8.2. Nội dung giám sát

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cử cán bộ giám sát các mã số vùng trồng đã cấp, đảm bảo vùng trồng luôn duy trì tình trạng tuân thủ quy định của nước nhập khẩu.

- ✓ Nội dung giám sát: kiểm tra tính tuân thủ các tiêu chí tại mục 4 của tiêu chuẩn cơ sở 774:220/BVTV và lấy mẫu kiểm tra thành phần sinh vật gây hại.
- ✓ Các nội dung giám sát chi tiết tại phụ lục D của tiêu chuẩn cơ sở 774:220/BVTV.
- ✓ Hướng dẫn đánh giá quy định tại phụ lục G (phần II) của tiêu chuẩn cơ sở 774:220/BVTV.

1.8.3. Báo cáo kết quả giám sát

- ✓ Đơn vị giám sát tiến hành giám sát định kỳ vùng trồng đã được cấp mã số và hoàn thành Biên bản giám sát theo Phụ lục D của tiêu chuẩn cơ sở 774:220/BVTV.
- ✓ Đơn vị giám sát gửi Cục Bảo vệ thực vật Báo cáo giám sát vùng trồng 6 tháng/lần, trước ngày 30/6 và ngày 30/12 hàng năm, kèm theo bản sao Biên bản giám sát. Báo cáo giám sát được thực hiện theo mẫu tại phụ lục E của Tiêu chuẩn cơ sở 774:220/BVTV.
- ✓ Trường hợp có thay đổi thông tin, hủy mã số thì trong vòng 07 (bảy) ngày đơn vị giám sát phải báo cáo ngay cho Cục Bảo vệ thực vật.

1.8.4. Các quy định đối với vùng trồng đã được cấp mã số

+ Thường xuyên tự cập nhật các thông tin quy định mới về cấp và duy trì mã số vùng trồng.



- + Theo dõi, ghi chép đầy đủ các tác động lên cây trồng.
- + Khuyến khích lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trước khi xuất khẩu theo quy định của các nước nhập khẩu.
- + Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về mọi sự thay đổi của mã số (diện tích, người đại diện, số hộ nông dân tham gia,...).



1.8.5. Các trường hợp bị thu hồi và huỷ mã số vùng trồng

** Thu hồi mã số vùng trồng trong trường hợp sau:*

- Cục Bảo vệ thực vật nhận được thông báo vi phạm không tuân thủ của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu.
- Cơ quan kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu phát hiện sinh vật gây hại là đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu hoặc có gian lận về việc sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp.
- Mã số không đăng ký lại trước mỗi vụ thu hoạch.
- Mã số không đạt yêu cầu tại thời điểm giám sát định kỳ hoặc giám sát đột xuất.

- Mã số sẽ được phục hồi khi vùng trồng có biện pháp khắc phục và được Cục Bảo vệ thực vật và cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu chấp nhận biện pháp khắc phục đó.

*** *Hủy mã số vùng trồng trong các trường hợp sau***

- Không có biện pháp khắc phục hiệu quả đối với các trường hợp bị thu hồi mã số nêu ở mục trên.
- Thay đổi loại cây trồng hoặc mục đích sử dụng so với đăng ký ban đầu của tổ chức/cá nhân.
- Không sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp.

1.8.6. *Quản lý, lưu giữ tài liệu liên quan đến mã số vùng trồng*

Các loại hồ sơ, tài liệu cần lưu giữ cụ thể như sau:

- Đối với vùng trồng được cấp mã số: Quy trình sản xuất, nhật ký canh tác, biên bản kiểm tra và giám sát vùng trồng;
- Đối với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: hồ sơ đăng ký và cấp mã số, hồ sơ kiểm tra, hồ sơ giám sát vùng trồng;
- Đối với Cục Bảo vệ thực vật: hồ sơ cấp mã số, hồ sơ kiểm tra, hồ sơ giám sát, báo cáo khắc phục;
- Thời gian lưu trữ hồ sơ: năm (05) năm.

II. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm

2.1. Các hình thức, công cụ chứng minh nguồn gốc sản phẩm

2.1.1. *Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa*

Giấy chứng nhận (GCN) xuất xứ hàng hóa (còn gọi là C/O): Là văn bản do tổ chức thuộc quốc gia xuất khẩu hàng hoá cấp dựa trên những quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá đó.



Tại Việt Nam, cơ quan cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá: Bộ Công Thương hoặc Bộ Công Thương có thể ủy quyền cho Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các tổ chức thực hiện việc cấp C/O thực hiện. Trên thực tế, hiện nay tại Việt Nam, VCCI đang thực hiện việc cấp C/O cho các doanh nghiệp.

Mục đích của C/O là chứng minh hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp về thuế quan và các quy định khác của pháp luật về Xuất nhập khẩu của cả hai nước nhập khẩu và xuất khẩu.

Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa cần thực hiện theo các thủ tục quy định tại Điều 16 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, cụ thể như sau:

Hợp tác xã đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa khai báo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo biểu mẫu điện tử sẵn có trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền.



Mã HS (mã số của hàng hóa xuất nhập khẩu) của hàng hóa khai báo trên Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là mã HS của nước xuất khẩu. Trường hợp mã HS của nước xuất khẩu khác với mã HS của nước nhập khẩu đối với cùng một mặt hàng, hợp tác xã được phép sử dụng mã HS của nước nhập khẩu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của mã HS nước nhập khẩu do hợp tác xã khai báo.

Trường hợp hợp tác xã đính kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền, quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện theo các bước sau đây:

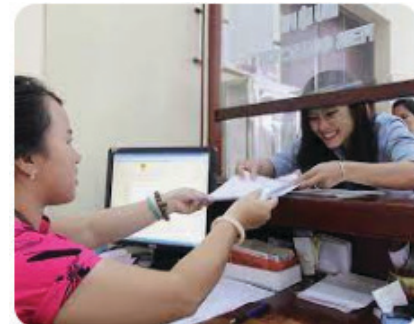
Hợp tác xã đính kèm các chứng từ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng điện tử. Các chứng từ này phải được hợp tác xã xác thực bằng chữ ký số do cơ quan có thẩm quyền cấp. Bản giấy của các chứng từ này không cần phải nộp lại cho cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.



Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hợp tác xã.



Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy nêu tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018, cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trả kết quả cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng bản giấy.



Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trực tiếp tại trụ sở của cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện theo các bước sau đây:



a) Hợp tác xã nộp các chứng từ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng bản giấy.

b) Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trả kết quả cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đầy đủ và hợp lệ.

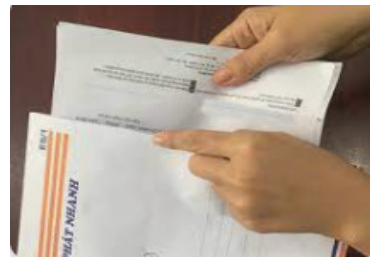
Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa qua bưu điện, thời gian trả kết quả cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là 24 giờ làm việc kể từ khi cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư.

Trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không rõ ràng, không chứng minh được hàng hóa đáp ứng tiêu chí xuất xứ, có dấu hiệu gian lận về chuyên tải, hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp trước đó, cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

Thương nhân nộp các chứng từ

8 giờ làm việc

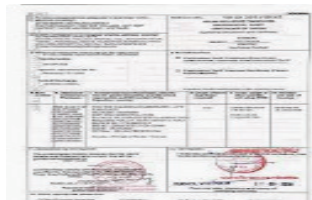
Tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trả kết quả



Hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ

* Hồ sơ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.



b) Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa tương ứng đã được khai hoàn chỉnh.

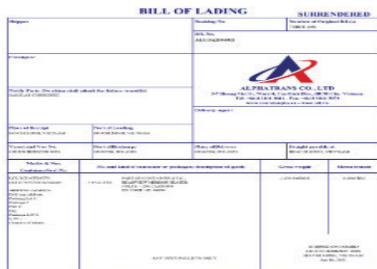
biểu số 04

1. Mã số thuế của thương nhân	Bố C/O
2. Kinh giới (Cơ quan tổ chức cấp C/O)	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O MẪU Đã đăng ký hồ sơ thương mại từ ngày
3. Hình thức cấp (dành cho ô thích hợp) a. Cấp C/O b. Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)	c. C/O gộp d. Giấy chứng nhận thông may đã xuất xứ
4. Bộ hồ sơ đã nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh - Tờ khai hải quan - Hòa đơn mua bán nguyên liệu tương đương - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu - Giấy phép xuất khẩu (nếu có)	☐ Hòa đơn mua bán nguyên liệu tương đương ☐ Hợp đồng mua bán ☐ Bảng tính toán hàm lượng giá trị gia tăng ☐ Chứng từ mã số ☐ Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ Các chứng từ khác

c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không phải khai báo hải quan theo quy định của pháp luật không cần nộp bản sao tờ khai hải quan.



d) Bản sao hóa đơn thương mại (đóng dấu sao y bản chính của hợp tác xã).



đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (đóng dấu sao y bản chính của hợp tác xã) trong trường hợp hợp tác xã không có vận tải đơn.



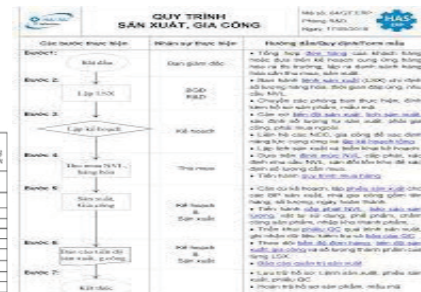
e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi theo mẫu do Bộ Công Thương quy định.

Phụ lục VII
BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐẠT TIÊU CHÍ "LYC"
(theo hình thức theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2018 quy định về xuất xứ hàng hóa)

Tên doanh nghiệp:
Mã số thuế:
Trên hóa đơn xuất khẩu:

Tên chi phí đăng LNC: ..
Tên hàng hóa: ..
Mã số của hàng hóa ở chi: ..
Mã của xuất khẩu: ..
Số lượng:
Trọng lượng (kg):
Đơn vị:
Số hàng:
Số hàng:
Số hàng:

STT	Chi tiết chi phí	Mã HS (4 số)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Tổng giá trị (USD)	Số hàng		Số hàng		Số hàng		Số hàng	
							Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Chi phí nguyên liệu													
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8	Chi phí phân công trực tiếp													
9														
10														
11														
12														
13														
14														
15														
16														
17														
18														
19														
20														
21														
22														
23														
24														
25														
26														
27														
28														
29														
30														
31														
32														
33														
34														
35														
36														
37														
38														
39														
40														
41														
42														
43														
44														
45														
46														
47														
48														
49														
50														
51														
52														
53														
54														
55														
56														
57														
58														
59														
60														
61														
62														
63														
64														
65														
66														
67														
68														
69														
70														
71														
72														
73														
74														
75														
76														
77														
78														
79														
80														
81														
82														
83														
84														
85														
86														
87														
88														
89														
90														
91														
92														
93														
94														
95														
96														
97														
98														
99														
100														



g) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (đóng dấu sao y bản chính của hợp tác xã).

* Thu hồi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp

Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thu hồi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp trong những trường hợp sau:

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp không phù hợp các quy định về xuất xứ.
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp trùng số tham chiếu.
- Hợp tác xã đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không nộp bổ sung chứng từ sau thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.



d) Hợp tác xã đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa giả mạo chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

đ) Hợp tác xã đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo bằng văn bản đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp.



Giả mạo chứng từ



2.1.2. Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua mã vạch in trên hàng hóa

Mã vạch là sự thể hiện thông tin trong các dạng nhìn thấy trên các bề mặt của sản phẩm, hàng hóa mà máy móc có thể đọc được. Nội dung của mã vạch là thông tin về sản phẩm như: Nước đăng ký mã vạch, tên doanh nghiệp, lô, tiêu chuẩn chất lượng đăng ký, thông tin về kích thước sản phẩm, nơi kiểm tra.

Mã vạch giúp chúng ta phân biệt được nhanh chóng và chính xác các loại hàng hoá khác nhau. Hiện nay ở Việt Nam, hàng hóa trên thị trường hầu hết áp dụng chuẩn mã vạch EAN của Tổ chức mã số vật phẩm quốc tế - EAN International với 13 con số, chia làm 4 nhóm như hình minh họa dưới đây:



Nhóm 1: Từ trái sang phải, ba chữ số đầu là mã số về quốc gia (vùng lãnh thổ).

Nhóm 2: Tiếp theo gồm bốn chữ số là mã số về doanh nghiệp.

Nhóm 3: Tiếp theo gồm năm chữ số là mã số về hàng hóa.

Nhóm 4: Số cuối cùng (bên phải) là số về kiểm tra.

Ví dụ cách kiểm tra mã vạch trên bao bì gạo ST 25 Ông của

Ở mặt sau bao bì của gạo ST 25 Ông của do Doanh nghiệp tư nhân Hồ Quang Trí sản xuất có số mã vạch là 8938536323039.

Dựa vào mã vạch ta có thể xác định được:

+ 983 là mã số quốc gia của Việt Nam

+ 8536 là mã số doanh nghiệp

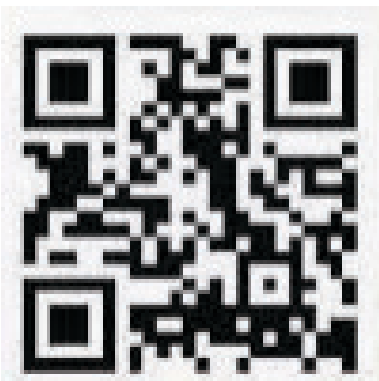
+ 32303 là mã số hàng hóa của doanh nghiệp

+ 9 là số kiểm tra cuối cùng

2.1.3. Chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa thông qua mã QR code in trên hàng hóa

Mã QR (viết tắt Quick Response) nghĩa là phản hồi nhanh. Các mã QR

được thiết kế theo dạng mã vạch 2D dạng hai chiều thông dụng. Với chức năng giải mã tốc độ cao, con người chỉ cần thực hiện thao tác “kiểm tra” mã QR Code được gắn trên sản phẩm bằng điện thoại thông minh, từ đó đã có được đầy đủ thông tin nguồn gốc của sản phẩm.





Sử dụng mã QR Code trong sản xuất nông nghiệp đang dần trở thành một xu thế tất yếu. Với chức năng truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, từ thành phẩm cuối cùng về nơi sản xuất ban đầu, rà soát từng giai đoạn trong chuỗi chế biến sản xuất và phân phối.

2.2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm

2.2.1. Khái niệm truy xuất nguồn gốc sản phẩm

Truy xuất nguồn gốc sản phẩm là một trong những giải pháp công nghệ tiên phong hiện nay. Có khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến và phân phối.

Truy xuất nguồn gốc cho phép doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ghi nhận tất cả các thông tin, chuyển động của sản phẩm mỗi khi phát sinh thông tin từ lúc bắt đầu sản xuất đến sản phẩm cuối cùng.



2.2.2. Ý nghĩa của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm

Đối với doanh nghiệp

- Doanh nghiệp có thể mở rộng được thị trường; thông quan dễ dàng hơn và tăng sức cạnh tranh.

- Tạo sự tin tưởng từ người tiêu dùng.

- Hỗ trợ hoạt động Marketing: là cách tốt nhất để doanh nghiệp kết nối với người tiêu dùng cuối cùng để quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.

- Phòng chống và phát hiện hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

- Giúp doanh nghiệp truy vấn và thực hiện thu hồi, xử lý nhanh chóng các sản phẩm kém chất lượng.



Đối với cơ quan nhà nước

- Quản lý được nguồn gốc của sản phẩm trên thị trường.
- Loại bỏ hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ tràn vào thị trường.

Đối với người tiêu dùng cuối cùng

- Truy xuất được nguồn gốc sản phẩm trên thị trường thông qua tem QR Code dán trên sản phẩm bằng điện thoại thông minh có kết nối internet.
- Biết được đâu là sản phẩm an toàn, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để yên tâm chọn mua.

2.2.3. Các loại truy xuất nguồn gốc hiện nay

Truy xuất nguồn gốc thực phẩm

Thực phẩm không chỉ cạnh tranh với các



mặt hàng nước ngoài khi tham gia xuất nhập khẩu, mà còn cạnh tranh trực tiếp với các đối thủ trong nước. Để đảm bảo hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao, doanh nghiệp cần đảm bảo chất lượng và áp dụng những giải pháp truy xuất nguồn gốc thực phẩm hiện đại. Để người tiêu dùng có thể biết chính xác và chi tiết các thông tin về sản phẩm cũng như thông tin về doanh nghiệp sản xuất.



Truy xuất nguồn gốc nông sản

Truy xuất nguồn gốc nông sản là việc người tiêu dùng có thể tìm hiểu được quá trình hình thành và phân phối của sản phẩm. Doanh nghiệp sẽ dán các con tem lên sản phẩm và người dùng muốn truy xuất thông tin sản phẩm phải tải các ứng dụng về máy. Qua việc truy xuất, người tiêu dùng có thể biết được thông tin về sản phẩm từ lúc còn là hạt giống cho tới khi được nuôi trồng, chế biến, vận chuyển và lưu thông trên thị trường.



Truy xuất nguồn gốc thủy sản

Truy xuất nguồn gốc thủy sản là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất. Qua việc truy xuất thông tin, người tiêu dùng sẽ biết được các quá trình từ việc tìm kiếm nguồn giống, trang trại chăn nuôi, chế biến, vận chuyển đến khi được phân phối và đến tay người tiêu dùng.



2.2.4. Yêu cầu chung đối với truy xuất nguồn gốc

Cơ sở phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo nguyên tắc truy xuất một bước trước - một bước sau để bảo đảm khả năng nhận diện, truy tìm một đơn vị sản phẩm tại các công đoạn xác định của quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

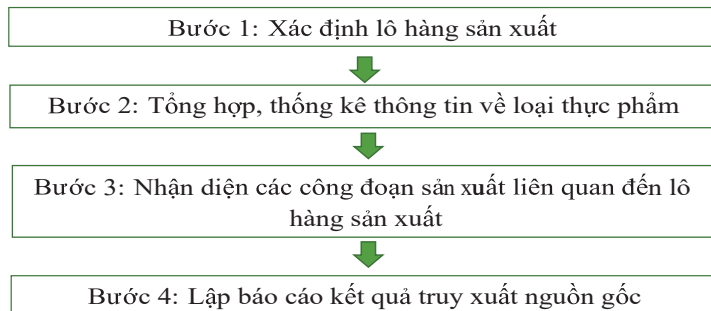
Cơ sở phải cung cấp thông tin đã được lưu giữ về cơ sở cung cấp lô hàng nhận và cơ sở tiếp nhận lô hàng giao trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Thực phẩm sau mỗi công đoạn phải được mã hóa, nhận diện bằng một phương thức thích hợp để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

Cơ sở thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.2.5. Trình tự thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn

Cơ sở thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với các trường hợp thực phẩm không bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 theo trình tự như sau:



Bước 1: Xác định lô hàng sản xuất, lô hàng giao cần truy xuất thông qua hồ sơ lưu trữ.

Bước 2: Tổng hợp, thống kê thông tin về loại thực phẩm, số lượng thực phẩm của lô thực phẩm đã sản xuất, đã nhập, đã bán và còn tồn kho; danh sách tên, địa chỉ của khách hàng, các đại lý phân phối thực phẩm (nếu có).

Bước 3: Nhận diện các công đoạn sản xuất liên quan đến lô hàng sản xuất, lô hàng giao phải thực hiện truy xuất nguồn gốc.

Bước 4: Lập báo cáo kết quả truy xuất nguồn gốc sau khi kết thúc quá trình truy xuất lô hàng sản xuất, lô hàng giao; kết quả thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương III Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT và báo cáo điều tra nguyên nhân thực phẩm không bảo đảm an toàn, kết quả áp dụng các biện pháp khắc phục theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.



2.2.6. Các bước thực hiện truy xuất nguồn gốc

Quy trình truy xuất nguồn gốc của TraceVerified (<https://traceverified.com>).

Bước 1: Khảo sát thực trạng

TraceVerified tiến hành khảo sát về quy trình sản xuất sản phẩm từ trang trại đến khi sản phẩm ra thị trường.



Khảo sát mô hình trồng rau

Bước 2: Xây dựng quy trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm

TraceVerified lên quy trình thực hiện truy xuất nguồn gốc phù hợp với quy trình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và các quy chuẩn (VietGAP, GlobalGAP,...) mà doanh nghiệp, hợp tác xã đang thực hiện. Mỗi bước trong quá trình sản xuất, kinh doanh đều cần ghi nhận thông tin truy xuất nguồn gốc để đảm bảo có thể truy xuất được một đơn vị sản phẩm đến từng công đoạn của quá trình chế biến và phân phối.



Xây dựng quy trình truy xuất nguồn gốc phù hợp với chuỗi sản phẩm

Thiết lập hệ thống phần mềm theo đúng biểu mẫu đã xây dựng và các yêu cầu đã được thống nhất. Phần mềm được xây dựng đảm bảo việc ghi nhận thông tin đơn giản, dễ dàng, hoạt động không bị lỗi.

Bước 5: Đào tạo, hướng dẫn sử dụng

Đào tạo sử dụng hệ thống phần mềm cho nhân viên quản lý, nhân viên lập dữ liệu và các bộ phận liên quan trong nội bộ doanh nghiệp, hợp tác xã. Doanh nghiệp, hợp tác xã cũng được hướng dẫn cách kích hoạt tem truy xuất nguồn gốc để dán lên sản phẩm.



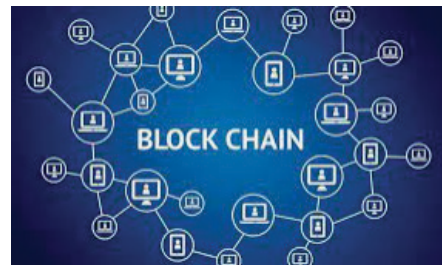
Bước 6: Triển khai sử dụng thực tế, bảo hành và hỗ trợ trọn đời sử dụng

Trong suốt thời gian sử dụng phần mềm, doanh nghiệp, hợp tác xã đều được sự hỗ trợ từ nhân viên kỹ thuật của TraceVerified 24/7 khi cần trợ giúp sử dụng hoặc có bất kỳ sự cố nào.

2.2.7. Ứng dụng blockchain trong truy xuất nguồn gốc

Blockchain là công nghệ lưu trữ dữ liệu theo chuỗi. Mỗi khối dữ liệu được móc nối với nhau thông qua các thuật toán phức tạp nhằm đảm bảo khi khối dữ liệu đã được thêm vào chuỗi thì không thể sửa, xóa, thay đổi thứ tự với các công nghệ tính toán hiện nay trong khoảng thời gian cho phép được.

Với kỹ thuật này, công nghệ Blockchain mang những đặc điểm như: Không thể làm giả, không thể phá hủy các chuỗi Blockchain; Tính minh bạch; Loại bỏ đơn vị trung gian; Tính phi tập trung; Độ tin cậy.





soát tốt hơn chất lượng sản phẩm, góp phần cải thiện giá trị chung của toàn bộ chuỗi cung ứng.

Blockchain truy xuất thực phẩm như thế nào?

Trong chuỗi quy trình sản xuất thực phẩm gồm rất nhiều tác nhân tham gia như nông dân, nhà phân phối, đơn vị chế biến, nhà bán lẻ... Ví dụ, các mắt xích chính trong chuỗi cung ứng thủy sản bao gồm:

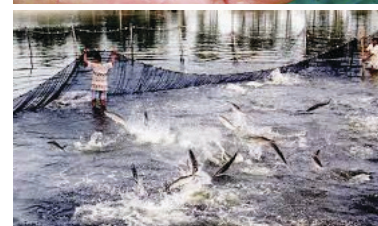
- Cung cấp giống: gồm những thông tin về con giống, thức ăn, thuốc trị bệnh, máy móc... thông tin giao dịch với người nuôi trồng.

- Nuôi trồng: gồm những thông tin về người nuôi trồng và quá trình nuôi trồng thủy sản, cũng như điều kiện thời tiết, tình trạng vật nuôi, các chế độ phúc lợi...

Lợi ích của truy xuất nguồn gốc bằng Blockchain

Việc công khai tất cả các giao dịch trong mạng lưới - bản chất của blockchain là giúp tạo niềm tin đối với người tiêu dùng. Đó là giá trị lớn nhất mà các nhà sản xuất hướng tới. Trong một mạng lưới blockchain, tất cả thành phần trong chuỗi đều có thể nhìn thấy và xác thực thông tin ở bất cứ thời điểm nào.

Blockchain có thể theo dõi và truy xuất nguồn gốc của quy trình đầu vào, điều này giúp triệt tiêu gần như 100% khả năng làm giả sản phẩm, kiểm



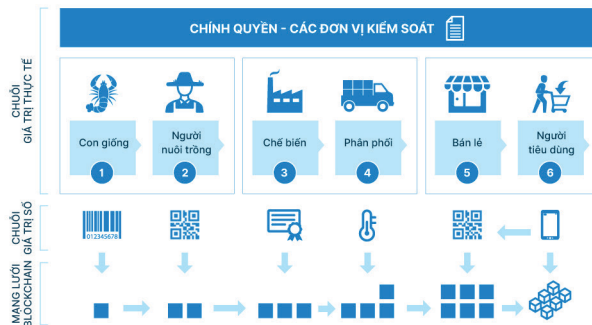


- **Chế biến:** gồm những thông tin về nhà máy, thiết bị, phương pháp chế biến, số lô sản phẩm, giao dịch tài chính giữa đơn vị chế biến và đơn vị phân phối.

- **Phân phối:** gồm những thông tin về phương tiện vận chuyển, tuyến đường, điều kiện bảo quản (nhiệt độ, độ ẩm), thời gian vận chuyển, giao dịch giữa nhà phân phối và nhà bán lẻ.

- **Bán lẻ:** thông tin về từng loại mặt hàng, số lượng, chất lượng, điều kiện bảo quản, thời gian trên kệ...

- **Tiêu dùng:** Là mắt xích cuối trong chuỗi giá trị, người tiêu dùng có thể sử dụng điện thoại được kết nối internet để scan mã QR đính kèm với sản phẩm để xem toàn bộ thông tin liên quan từ nhà cung cấp giống tới nhà bán lẻ.



Một quy trình cung ứng đơn giản với blockchain

Với Blockchain, quy trình cung ứng thực phẩm được công khai cho mọi tác nhân trong chuỗi, từ đó hạn chế tối đa những gian lận trong hoạt động và giao dịch, đảm bảo một môi trường kinh tế minh bạch và an toàn cho mọi thành phần.

2.3. Các văn bản chính sách có liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm

Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100/QĐ-TTg
Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý
hệ thống truy xuất nguồn gốc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Nghị định số 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

Nghị định 13/2022/NĐ-CP
sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định
thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm
hàng hóa và Luật Đo lường

Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 12 năm 2021 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.


THÔNG TƯ
Số 17/2021/TT-BNNPTNT

2.4. Thực hành tạo mã Qr code bằng các công cụ khác nhau

2.4.1. Tạo Qr Code miễn phí để cung cấp thông tin nguồn gốc sản phẩm thông qua trang Website của Traceverified

Bước 1: Bấm vào đường link trang website:

<http://id.traceverified.com/#/gen-qrcode/qrcode/intro>

Bước 2: Bấm vào “Tạo Qr Code Ngay”

Bước 3: Điền các thông tin sản phẩm theo mẫu, sau đó bấm vào “Tạo Thông Tin Công Ty”



TRACEQR TẠO QR CODE MIỄN PHÍ THÔNG TIN NGUỒN GỐC SẢN PHẨM

TraceVerified là dịch vụ truy xuất nguồn gốc đầu tiên tại Việt Nam được sự tài trợ của tổ chức cạnh tranh toàn cầu GCF (2011). Chúng tôi luôn hướng đến mục tiêu trở thành cầu nối thông tin giữa nhà sản xuất và người mua hàng để đưa thông tin minh bạch hơn về mỗi sản phẩm trên thị trường.

Nay bạn có thể dễ dàng tạo QR code để đưa thông tin sản phẩm của mình đến với khách hàng một cách thông minh và tối ưu nhất trên TraceQR.

TraceQR là trình tạo QR code về thông tin nguồn gốc sản phẩm duy nhất tại Việt Nam do TraceVerified cung cấp hoàn toàn miễn phí.

Tạo QR code để làm gì?

- Minh bạch thông tin sản phẩm
- Xác thực nguồn gốc sản phẩm

Lợi ích mà bạn nhận được:

- In ấn dễ dàng với QR code được tạo ra: tạo tem QR dán lên sản phẩm, in card giới thiệu sản phẩm – doanh nghiệp, biển hiệu trang trại, nhãn mác sản phẩm

[Tạo Qr Code Ngay >>](#)

Tạo thông tin sản phẩm

Mã sản phẩm *

TCHĐ

Tên sản phẩm *

Chê Tân cường Hòa Đạt định định biệt 1

Địa chỉ sản xuất

xã Tân Cường, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

☒ Hiện bản đồ

Kinh độ VT độ

Ngày sản xuất

05/02/2023

Ngày hết hạn

05/02/2024

Thành phần

[Tạo Thông Tin Công Ty >>](#)



QR code and product information displayed on a mobile device screen.

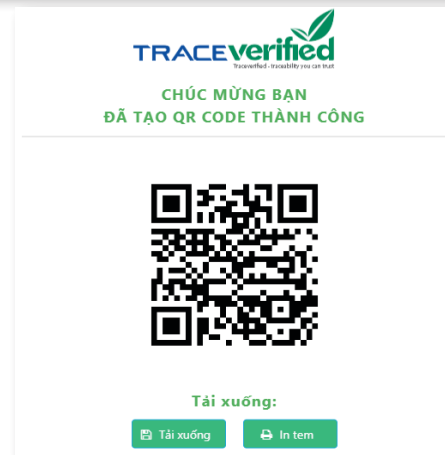
Bước 4: Điền các thông tin công ty/cơ sở sản xuất theo mẫu, sau đó bấm “Kết Quả”

The image shows a web form titled "Tạo thông tin doanh nghiệp" (Create business information) with the following fields:

- Tên công ty/trang trại * (Company/Tram Trại Name): Hộp tác xã chè Hào Đạt (Hao Dat Tea Cooperative)
- Địa chỉ * (Address): xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Tan Cuong Commune, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province)
- Số điện thoại * (Phone Number): 0988 746 042
- Email: chehaodattancuong@gmail.com
- Website: https://chetancuonghaodat.vn/
- Gợi thiệu công ty (Company Referral): Năm cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 13km về phía Tây, Tân Cương là vùng đất bạt sơn địa, cảnh quan thiên nhiên đẹp mắt với những dãy đồi (13km west of the city center of Thai Nguyen, Tan Cuong is a land of mountains and hills, with beautiful natural scenery with rows of hills)
- Logo: (Empty field)

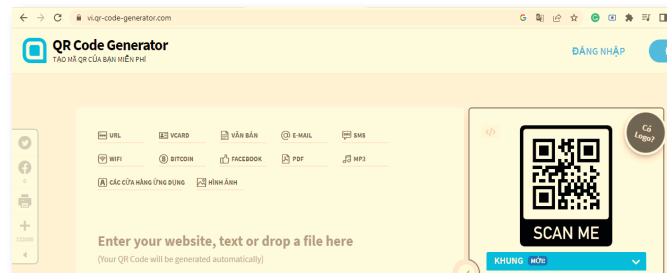
At the bottom of the form is a green button labeled "Kết Quả" (Result). To the right, a smartphone displays the QR code generated from this information, with the text "Mã số: TCHĐ" (Code: TCHD) visible on the screen.

Bước 5: Chúng ta đã tạo thành công mã QR code. Tiếp theo bấm vào nút “Tải xuống” hoặc “In tem” để sử dụng mã QR code.

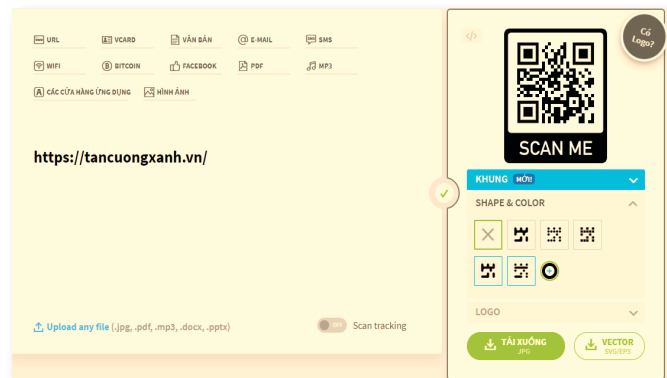


2.4.2. Tạo mã Qr code miễn phí thông qua trang website của Qr Code Generator

Bước 1: Bấm vào đường link trang
Website: <https://vi.qr-code-generator.com/>



Bước 2: Đưa thông tin của doanh nghiệp/cơ sở sản xuất lên hệ thống



Bước 3: Chúng ta đã tạo thành công mã QR code. Tiếp theo bấm vào nút “Tải xuống” để sử dụng mã QR code.



2.4.3. Tạo mã Qr code miễn phí thông qua công cụ Cloudify QR Tool

Bước 1: Truy cập link công cụ Cloudify QR Tool: <https://cloudify.vn/tao-ma-qr-code-mien-phi/>

Bước 2: Nhập chọn 1 loại nội dung mã QR bạn muốn tạo

Có 13 loại nội dung mã QR, chi tiết như sau:

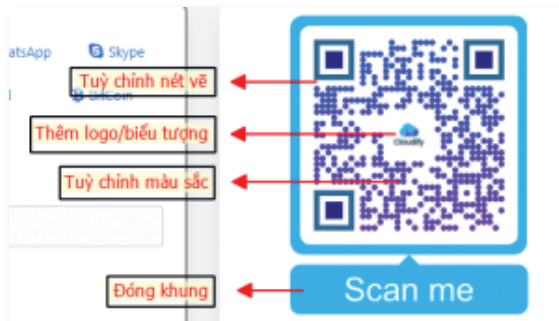
Đường dẫn; Văn bản; Email; Điện thoại; SMS; WhatsApp; Skype; Zoom; Wifi; Danh bạ; Sự kiện; PayPal; BitCoin

The screenshot shows the Cloudify QR Tool interface. At the top, there are 13 categories for QR code content: Đường dẫn (selected), Văn bản, E-mail, Điện thoại, SMS, WhatsApp, Skype, Zoom, WI-FI, Danh bạ, Sự kiện, PayPal, and BitCoin. Below the categories, the 'Đường dẫn' section is active, showing a 'URL' label and a text input field containing 'http://'. The interface is clean and user-friendly, with a light blue and white color scheme.

Bước 3: Điền các thông tin được yêu cầu ở các loại nội dung

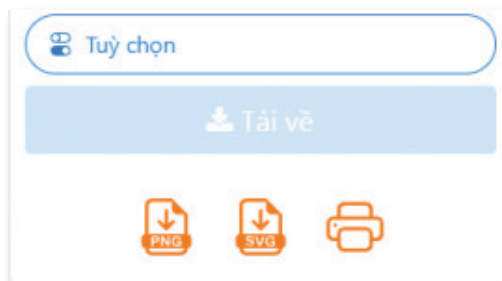
Sau khi chọn loại nội dung mã QR theo mục đích của bạn, bạn nhập dữ liệu tương ứng cần thiết để tạo ra hình dạng của mã.

Bước 4: Sáng tạo mã QR của riêng bạn



Đây là bước mà bạn có thể tạo một thiết kế mã QR sáng tạo.

Bước 5: Tải xuống mã QR của bạn



2.5. Thực hành truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua một số ứng dụng

2.5.1. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng Zalo

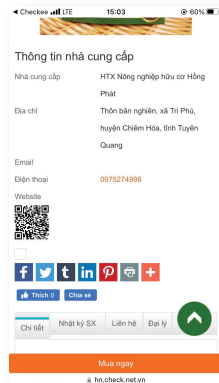
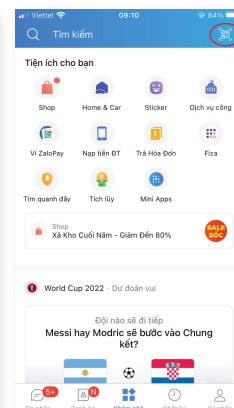
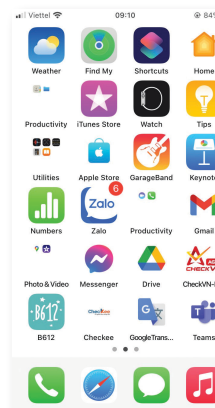
Bước 1: Tải phần mềm Zalo về điện thoại, truy cập vào

ứng dụng Zalo

Bước 2: Sau đó nhấn vào biểu tượng Quét mã Qr Code



Bước 3: Hướng camera điện thoại vào vùng có mã Qr trên sản phẩm cần truy xuất để quét thông tin. Sau đó nhấn vào đường link hiển thị để xem thông tin nguồn gốc sản phẩm này. Ví dụ kết quả truy xuất nguồn gốc sản phẩm “Đậu đen xanh lòng Chiêm Hóa”.



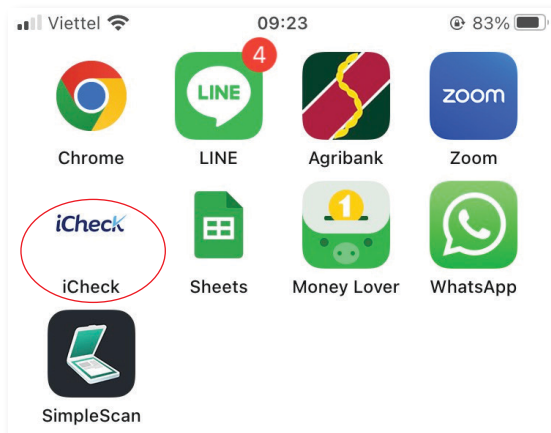
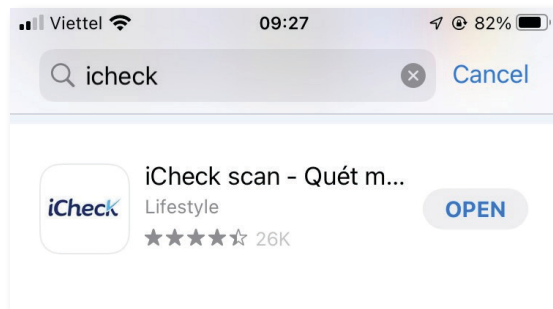
2.5.2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng ứng dụng icheck

Bước 1: Tải phần mềm

Hiện nay, iCheck đã có trên cả hai hệ điều hành: IOS và Android. Chỉ cần gõ “iCheck” trên App Store (hệ điều hành IOS) hoặc CH Play (hệ điều hành Android), phần mềm iCheck hiện lên. Tiếp đến hãy tải phần mềm về máy.

Bước 2: Quét mã vạch/ mã Qr code

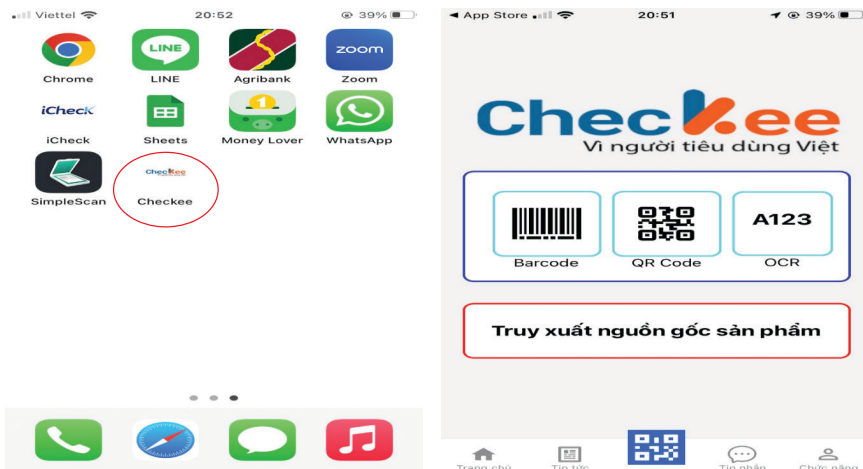
Để tiến hành quét mã vạch, nhấn vào biểu tượng màu xanh chính giữa màn hình. Sau đó, chỉ cần hướng camera về mã vạch, mã của sản phẩm, các thông tin về sản phẩm sẽ được hiển thị.



2.5.3. Truy xuất nguồn gốc bằng ứng dụng Checkee

Bước 1: Tải phần mềm

Hiện nay, Checkee đã có trên cả hai hệ điều hành: IOS và Android. Chỉ cần gõ “Checkee” trên App Store. Tiếp đến hãy tải phần mềm về máy.



Bước 2: Quét mã vạch/ mã Qr code

Để tiến hành quét mã vạch, nhấn vào biểu tượng màu xanh chính giữa màn hình. Sau đó, chỉ cần hướng camera về mã vạch hoặc mã Qr code của sản phẩm, các thông tin về sản phẩm sẽ được hiển thị như:

- Tên đầy đủ của sản phẩm
- Tên công ty sản xuất, quốc gia sản xuất
- Hình ảnh bao bì
- Các thông tin cơ bản về sản phẩm: màu sắc, kích thước, khối lượng, thành phần sản xuất.
- Ngày tháng sản xuất, hạn sử dụng
- Những đánh giá của người đã từng sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp & PTNT, Văn bản số 3906/BNN-BVTV ngày 23/5/2018
2. Bộ Nông nghiệp & PTNT, Văn bản số 5841/BNN-BVTV ngày 26/8/2020
3. Bộ Nông nghiệp & PTNT, Văn bản số 2425/BNN-BVTV ngày 27/4/2021
4. Bộ Nông nghiệp & PTNT, Chỉ thị 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28/3/2022
5. Bộ Nông nghiệp & PTNT, Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 12 năm 2021 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.
6. Cục Bảo vệ thực vật, Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 774:2020/BVTV về quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng.
7. Cục Bảo vệ thực vật, Công văn 1501/BVTV-HTQT ngày 02/6/2022 về việc quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu.
8. Chính phủ, Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 1 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.
9. Chính phủ, Nghị định 13/2022/NĐ-CP Ngày 21 tháng 01 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

PHỤ LỤC

I. Mẫu đơn xin cấp mã số vùng trồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

(Vv: cấp mã số vùng trồng)

Căn cứ theo Luật trồng trọt 2018 số 31/2018/QH14

Kính gửi: - ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT, TRỒNG TRỌT, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- TRUNG TÂM KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Tên tôi là:..... Ngày tháng năm sinh:/...../..... Giới tính:

Nơi sinh: Dân tộc: Số điện thoại liên lạc: Số CMND: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi đăng ký vùng trồng:

Các chủng loại cây:.....

Số lượng số hộ dân tham gia sản xuất trong vùng trồng:

Tổng diện tích vùng trồng:.....

Tôi xin trình bày như sau:

Tôi là tổ trưởng đại diện cho các hộ dân tham gia sản xuất trong vùng trồng. Tôi làm đơn này đề kính mong Trung tâm Kiểm dịch thực vật cấp mã số vùng trồng.

Căn cứ theo Điều 64 Luật trồng trọt 2018 quy định về Quản lý và cấp mã số vùng trồng:

1. Mã số vùng trồng là mã số định danh cho một vùng trồng trọt nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng.

2. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách ưu tiên hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng lộ trình và hướng dẫn cấp mã số vùng trồng trên phạm vi toàn quốc.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai cấp mã số vùng trồng trên địa bàn theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chúng tôi xin cam kết: - Vùng trồng theo hướng VietGAP;

- Đảm bảo vệ sinh vùng trồng theo quy định của pháp luật;

- Sử dụng thuốc BVTV;

- Quản lý chặt chẽ dịch hại...

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM KDDT

NGƯỜI LÀM ĐƠN

II. Mẫu giấy đăng ký cấp/cấp lại mã số vùng trồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

Kính gửi: (Cơ quan cấp mã số vùng trồng tỉnh/tp.)

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số:

Người đại diện:

Địa chỉ của tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ vùng trồng¹:

Mã số doanh nghiệp/số căn cước công dân²: Điện thoại: Email:

2. Tổng diện tích của cơ sở (ha):

3. Diện tích canh tác (ha):

4. Lý do (đối với trường hợp cấp lại)³:

5. Thông tin về vùng trồng

TT	Vị trí, tọa độ các điểm sản xuất ⁴	Đối tượng cây trồng ⁵	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (tấn)	Hình thức canh tác ⁶	Tiêu chuẩn áp dụng ⁷	Thị trường dự kiến tiêu thụ
1							
2							
...							

6. Tài liệu kèm theo

- Sơ đồ vùng trồng;

- Danh sách các hộ nông dân (đối với trường hợp vùng trồng có nhiều hộ), bao gồm các thông tin: đối tượng cây trồng, diện tích, sản lượng dự kiến đối với từng hộ;

- Bản sao giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn đã áp dụng hoặc giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện đảm bảo ATTP/bản cam kết đảm bảo ATTP trong sản xuất hoặc Quy trình sản xuất của các doanh nghiệp liên kết sản xuất đáp ứng các yêu cầu về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Đề nghị (tên cơ quan cấp mã số vùng trồng tỉnh/tp.) cấp mã số vùng trồng cho cơ sở.

Tôi xin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định về cấp mã số vùng trồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai ở trên./.

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

¹ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện của vùng trồng.

² Kèm theo bản chụp căn cước công dân/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

³ Trường hợp thay đổi thông tin về vùng trồng: ghi cụ thể thông tin thay đổi (thông tin đã cấp và thông tin thay đổi) đối với các thông tin có thay đổi trong mục 5.

⁴ Việc xác định vị trí, tọa độ các điểm sản xuất sẽ được hướng dẫn theo phần mềm cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt do Bộ NN&PTNT xây dựng.

⁵ Ghi cụ thể cây trồng, giống cây trồng, cây trồng chính (có diện tích lớn nhất) đối với trường hợp vùng trồng có từ 2 cây trồng trở lên.

⁶ Canh tác ngoài trời/trồng trong nhà kính, nhà lưới/thủy canh

⁷ Ghi cụ thể các tiêu chuẩn đang áp dụng, ví dụ: VietGAP, GlobalG.A.P, PGS...., Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Cam kết sản xuất nông sản an toàn theo quy định.

In 700 bản, khổ 14,5x20,5 cm, In tại Công ty TNHH TM Đông Nam - Số 31, Ngõ 39, phố Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 457/QĐ-NXBTC do Nhà Xuất bản Tài Chính cấp ngày 28/12/2022. Số xác nhận đăng ký xuất bản 4880-2022/CXBIPH/5-124/TC.

Mã số ISBN: 978-604-79-3550-5. In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.